

## Đánh giá Bạo lực gia đình: Quy mô bạo lực có tính đến hoàn cảnh

ALYCELAVIOLE

TTE

PrivatePractice,LongBeach,Califonia

Cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, nhiều nhà nghiên cứu bắt đầu tìm hiểu sự khác biệt giữa những nam giới có hành động bạo lực với vợ/bạn tình của mình. Kể từ đó, đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện về chủ đề này và dẫn tới sự phát triển các phân loại tội phạm. Những người đàn ông này được xác định dựa trên các yếu tố như đặc điểm hành vi, nét đặc thù, phản ứng tình cảm và trải nghiệm của họ. Các luật sư bảo hộ hầu như đều thể hiện quan điểm tương đối một chiều về những kẻ lạm dụng dựa trên tiếp xúc của họ với những phụ nữ bị bạo hành và con cái họ. Tác giả bài viết này đề xuất một dải bạo lực bao gồm các hành vi gây hấn nhằm đánh giá và can thiệp khi bạo lực gia đình xảy ra. Dải bạo lực này gồm cả hành vi gây hấn có thể xảy ra không theo kiểu lạm dụng.

TỪ KHÓA: đánh giá, xung đột, dải bạo lực, bình đẳng giới, khủng bố, bạo lực

### LIÊN TỤC GIẢN DỮ: ĐÂU LÀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ ĐÂU KHÔNG PHẢI LÀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH?

Các công tố viên, nhà nghiên cứu, nhà hoạt động trong các tổ chức chống bạo hành và các bác sĩ đều cho rằng vấn đề bạo lực gia đình (IPV) đã vượt qua mọi rào cản về kinh tế xã hội, chủng tộc, dân tộc và tín ngưỡng và diễn ra cả trong quan hệ tình dục và quan hệ

đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng giới và chuyển giới (tiếng Anh viết tắt là GLBT). Nó xảy ra khắp mọi nơi và với mọi đối tượng trên khắp thế giới. Đã có nhiều nghiên cứu về thủ phạm là nam giới và gần đây là thủ phạm là nữ giới trong bạo lực gia đình (Dowd, 2001; Johnson & Ferraro, 2000). Đối tượng thực hiện hành vi bạo lực trong gia đình có đặc điểm đa dạng cũng như tính đa dạng của cộng đồng nơi họ sinh sống. Sự đa dạng của các thành viên tham gia vào các chương trình can thiệp bạo hành (BIP) và những cá nhân giấu tên xuất hiện trong cơ sở dữ liệu thống kê là động lực thúc đẩy nỗ lực phân loại những đối tượng này dựa trên sự khác biệt và tương đồng của họ.

Nghiên cứu về sự khác biệt và tương đồng giữa các thủ phạm bắt đầu được thực hiện vào cuối những năm 1970 và thực sự phát triển mạnh vào những năm 1980 và 1990. Một số nhà nghiên cứu phân biệt các đối tượng bạo hành theo kiểu hành vi bạo hành (Brisson, 1981; Gondolf, 1987; Hershorn & Rosenbaum, 1991; Saunders, 1992). Một số nhà nghiên cứu khác căn cứ vào kiểu tính cách, thái độ đối xử với phụ nữ, mức độ giận dữ, lạm dụng thuốc, nguồn gốc gia đình và tiền sử tâm thần (Dutton, 1998; Hamburger & Hastings, 1986; Holtzworth-Monroe & Stuart, 1994; Saunders, 1992).

Johnson (1995) đã xây dựng khái niệm dải bạo lực với một đầu là hiện tượng bạo hành thông thường giữa vợ và chồng và một đầu là khủng bố tinh thần. Năm 2000, Johnson và Ferraro đã điều chỉnh khái niệm dải này, trong đó nhấn mạnh sự khác biệt giữa các kiểu bạo hành, động cơ bạo hành và bối cảnh văn hóa của hành vi bạo hành. Các nhà nghiên cứu này cho rằng, nếu xét trên mức độ quan hệ, có thể phân bạo lực gia đình thành bốn loại chính: Bạo hành thông thường giữa vợ và chồng (CCV); Khủng bố gia đình (IT); Chống bạo hành (VR) và Kiểm soát bạo hành lẫn nhau (MVC). Johnson và Ferraro đã tính cả bạo hành nữ trong nghiên cứu của mình, đó là hành vi họ chủ động gây hấn và trả đũa. Sự tranh cãi liên quan tới bạo hành do phụ nữ chủ động gây hấn hay trả đũa đã ngày càng trở nên gay gắt hơn khi có những nghiên cứu cho rằng nữ giới phạm tội bạo hành gia đình với tỷ lệ tương đương hoặc cao hơn nam giới (Anderson, 2002; Archer, 2000; Straus & Gelles, 1990; Straus, 1997). Mặc dù Straus và Gelles đã chỉ ra rằng hậu quả của việc phụ nữ gây hấn thường không nghiêm trọng bằng nam giới, nhưng những người ủng hộ bình đẳng giới đã chấp nhận số liệu này. Nghiên cứu về bạo hành nữ trở nên phát triển

hơn và dẫn tới yêu cầu cần hỗ trợ tài chính cho Luật Bạo hành chống nữ giới (VAWA) và nơi trú ngụ cho nạn nhân bạo hành gia đình là nam giới.

Trong một phân tích quy mô lớn gồm 180 nghiên cứu, Archer (2000) đã phát hiện thấy mặc dù phụ nữ thường có xu hướng dễ gây hấn hơn nhưng nam giới lại có khả năng gây thương tích cho vợ/bạn tình của mình hơn. Phụ nữ cũng gánh chịu những hậu quả tâm lý nặng nề hơn (sợ hãi, lo lắng, trầm cảm và lạm dụng thuốc) nếu so với nam giới (Anderson, 2002; Dasgupta, 1999; Magdol & cộng sự, 1997; Umberson, Anderson, Glick, & Shapiro, 1998).

Kết quả nghiên cứu thực chứng thường chịu ảnh hưởng của định nghĩa thế nào là lạm dụng do các nhà nghiên cứu sử dụng. Mỗi nhà nghiên cứu thực chứng lại sử dụng một định nghĩa khác nhau. Kết quả nghiên cứu cũng chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh diễn ra hiện tượng bạo hành (tranh cãi ngày càng gay gắt, nỗ lực muốn kiểm soát, phòng vệ) và hậu quả của bạo lực (thương tích, sợ hãi, giận dữ, vô cảm). Ngoài ra, phương pháp phân loại mức độ gây hấn cụ thể (mạnh, trung bình) không tính tới giới và hậu quả: công cụ thu thập số liệu, số lượng đối tượng, thời gian nghiên cứu cũng ảnh hưởng tới kết quả (Campbell, 2000; DeKeseredy, 2000; LaViolette & Barnett, 2000; Saltzman, 2000).

Theo Dowd (2001, trang 76): “Ngôn ngữ được sử dụng để miêu tả cặp vợ chồng sử dụng bạo lực và hành vi của họ thường chưa được chính xác, thiếu đi định nghĩa thực tế hay chịu tác động của yếu tố tình cảm, phán xét hay chính trị.” Mặc dù, hoa hồng thì vẫn là hoa hồng nhưng hành vi gây hấn không hoàn toàn đồng nghĩa với lạm dụng. Theo Geffner và Rosenbaum (2001, trang 2): “Thuật ngữ gây hấn không nên được sử dụng tương đương với lạm dụng. Gây hấn là một hành động còn lạm dụng mang tính động cơ.”

Dải bạo lực do Johnson (1995) xây dựng khiến tác giả muốn khám phá nhiều hơn về vấn đề này và xây dựng một dải bạo lực phân biệt hành vi gây hấn và lạm dụng. Quá trình xây dựng này bắt đầu vào cuối những năm 1990, sau khi Johnson công bố công trình nghiên cứu của mình. Ban đầu, dải bạo lực này được sử dụng trong các hội thảo tập huấn. Sau đó khái niệm này được sử dụng một cách chính thống hơn (mặc dù chưa được phát triển đầy đủ) trong phần luận

chứng của các chuyên gia trong một trường hợp giám hộ trẻ em. Khi đó, thẩm phán đã được thuyết phục rằng người bố (người bị kết tội bạo hành) không mang tội lạm dụng trẻ em vì ông này không giống như những ngôi sao với hình ảnh hoàn toàn trái ngược trong bộ phim “The Burning Bed” (Chiếc giường bốc cháy) hay “Sleeping With the Enemy” (Ngủ với kẻ thù). Dải bảo lực này khá hữu ích vì đã giúp xác định được bối cảnh và dải hành vi gồm hành động kiểm soát, chửi bới và đôi khi sử dụng bạo lực của người bố. Phần còn lại của bài viết này mô tả dải bảo lực LaViolette mang tính khác biệt với dải bạo lực của Johnson (1995) và một số đề xuất ban đầu về cách sử dụng dải bạo lực này khi đánh giá và giải quyết các trường hợp bạo lực gia đình.

Có năm mốc khác nhau trên dải bạo lực và có những khu vực màu xám ghi nhận khả năng không thể phân loại hay xác định chính xác được đối tượng. Đồng thời cũng cần chấp nhận rằng những hành động gây hấn riêng lẻ có thể xảy ra và gây ảnh hưởng tới sức khỏe nhưng không đồng nghĩa với việc lạm dụng (xem Hình 1).

*Hành vi gây hấn thông thường của vợ chồng (CCA)* là hành vi gây hấn riêng lẻ và có thể xảy ra với bất kỳ mối quan hệ nào. Những hành vi này có thể diễn ra trong bối cảnh tranh cãi ngày càng gay gắt, trong thời kỳ căng thẳng hay bị sang chấn. Ví dụ một vị mục sư trong một buổi họp với các mục sư khác đã thừa nhận là mình có đập vỡ bát đĩa của vợ trong thời kỳ mẹ ông mắc bệnh nan y, nhiều giáo dân của ông cần được hỗ trợ nhiều hơn và ông bị mất ngủ. Hành động này xảy ra với cặp vợ chồng đã kết hôn 20 năm và không hề có hành động gây hấn hay lạm dụng về thể chất hay tinh thần gì khác xảy ra.

*Hành vi gây hấn thông thường của vợ chồng* có thể do một trong hai người gây ra. Thông thường, thường tồn tại sự cân bằng quyền lực giữa hai vợ chồng và hai bên đều cho rằng mối quan hệ này là tình cảm yêu thương vợ chồng và lành mạnh. Sau sự việc, hai người thường cảm thấy hối tiếc và tin rằng gây hấn không phải là cách giải quyết vấn đề hiệu quả. Niềm tin lâu dài là một khía cạnh quan trọng trong dải bảo lực vì những người sống lành mạnh đều cho rằng hành vi mang tính hủy hoại không phải là giải pháp giải quyết vấn đề hay cách giải quyết xung đột một cách tích cực.

Hành vi gây hấn này thường không để lại hậu quả lâu dài về tình

cảm. Trong mối quan hệ này không tồn tại sự sợ hãi, áp bức và kiểm soát. Những hành động này xảy ra không bắt nguồn từ cảm giác bất an thường trực, sự sợ hãi hay nhu cầu cần kiểm soát người kia. Đôi khi hành vi này có thể gây thương tích và nếu có thường nhẹ và không khiến nạn nhân cảm thấy lo âu thường trực.

Tác giả đã chứng kiến sự giận dữ lạnh mạnh bị gọi là lạm dụng khi người đánh giá thể hiện quan điểm cá nhân khi hành vi này xa lạ hay không thoải mái đối với họ. Sự gây hấn về thể chất đối với người thân không phải là một cách giải quyết căng thẳng tốt nhưng lại xảy ra trong mối quan hệ lạnh mạnh. Tuổi tác cũng là một yếu tố cần xem xét. Những người trẻ tuổi (cả nam và nữ) thường có xu hướng có hành vi gây hấn để giải quyết xung đột và tranh cãi về nhiều vấn đề trong khi những cặp vợ chồng đứng tuổi lại không như vậy. Những cặp vợ chồng trẻ tuổi có quan hệ lạnh mạnh có thể còn thiếu kinh nghiệm “thực tế” so với những cặp vợ chồng đứng tuổi vì những cặp vợ chồng đứng tuổi đã có nhiều năm kinh nghiệm sống với nhau. Người đọc có thể hiểu rõ hơn nếu liên hệ với kinh nghiệm thực tế trong quan hệ vợ chồng của mình. Nếu mối quan hệ vợ chồng là quan hệ hợp tác tôn trọng nhau thì họ sẽ duy trì được tình hữu nghị với nhau.

Quan hệ *xung đột* là do các bên liên quan không có khả năng giải quyết mâu thuẫn và thường xuyên tranh cãi căng thẳng với nhau. Những tranh cãi này thường không đem lại hiệu quả gì. Trong mối quan hệ này có thể đôi khi diễn ra hành vi bạo lực về thể chất hay tâm lý. Ở đây không tồn tại hình thức ép buộc, không dẫn tới sự sợ hãi và không có sự mất cân bằng về quyền lực. Tuy nhiên, mối quan hệ hữu nghị giữa hai vợ chồng bị ảnh hưởng xấu đi. Họ thường “thể hiện mình” trong những năm quan hệ vợ chồng sau khi không còn cảm giác tích cực về nhau.

<p><b><u>Hành vi gây hấn thông thường của vợ chồng:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- hành vi không thường xảy ra</li> <li>- hối tiếc</li> <li>- không gây cảm giác sợ hãi, bị áp bức hay bị kiểm soát</li> <li>- không gây thương tích</li> <li>- nguyên nhân do cãi nhau gay gắt</li> <li>- có thể xảy ra ở bất kỳ gia đình nào</li> </ul>	<p><b><u>Xung đột:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- không giải quyết vấn đề hiệu quả</li> <li>- trạng thái giận dữ thường xảy ra trong gia đình</li> <li>- có thể hối tiếc</li> <li>- có thể đôi khi có đánh đập và/hoặc đập phá tài sản</li> <li>- không mang tính lạm dụng về tình cảm</li> <li>- không gây sợ hãi</li> <li>- nguyên nhân do cãi nhau gay gắt</li> </ul>	<p><b><u>Lạm dụng:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- có thể đôi khi có đánh đập</li> <li>- lăng mạ nhưng không gây ảnh hưởng tới nhân phẩm</li> <li>- chửi bới nhưng không gây ảnh hưởng tâm lý</li> <li>- gây sợ hãi</li> <li>- có thể hối tiếc</li> <li>- đe dọa bỏ nhau</li> <li>- không có ai chứng kiến</li> </ul>	<p><b><u>Bao hành:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- độc đoán</li> <li>- thường lạm dụng đánh đập, nhưng có thể không</li> <li>- đe dọa hệ thống hỗ trợ của nạn nhân</li> <li>- cô lập</li> <li>- lăng mạ gây ảnh hưởng nhân phẩm</li> <li>- dọa tử hoặc giết người</li> <li>- ghen tuông</li> <li>- coi thường bạn bè và gia đình</li> <li>- đập phá tài sản</li> <li>- chỉ quan tâm tới bản thân</li> <li>- lạm dụng tình dục</li> <li>- làm thay đổi tính cách nạn nhân</li> <li>- thường mang tính bạo lực</li> </ul>	<p><b><u>Khủng bố/rình rập:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- độc đoán</li> <li>- lạm dụng tâm lý ngấm ngầm</li> <li>- dọa giết người có chủ ý</li> <li>- hành hạ vật nuôi</li> <li>- cô lập hoàn toàn</li> <li>- lạm dụng thể chất thường xuyên, nhưng có thể lạm dụng không liên quan tới thể chất</li> <li>- si nhục và suy đồi tình dục</li> </ul>
---	--	--	--	---

Hình 1 Dải bạo lực LaViolette từ hành vi gây hấn thông thường tới khủng bố

Những người sử dụng kỹ thuật lạm dụng (Trung tâm tư vấn Calgary, trao đổi riêng, tháng 5/2006) thường từng sống và chứng kiến cảnh gây hấn và/hoặc bạo lực trong gia đình. Nhiều người đã phát triển “phản xạ luôn sẵn sàng chiến đấu.” Họ có thể có biểu hiện rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD). Biểu hiện này không xuất hiện trở lại nếu họ không phải đối diện với cảm nhận mất hết quyền lực như khi họ còn nhỏ - đó là cảm nhận mất hết quyền lực do họ cảm nhận thấy trong mối quan hệ với người thân khi họ đã lớn.

Điều này thường xảy ra với nam và nữ giới có hành vi lạm dụng. Tuy nhiên, quan niệm xã hội về nam và nữ trong hầu hết các nền văn hóa đều có xu hướng đặt nam giới cao hơn nữ giới. Cũng giống với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chứng sợ đồng tính và các hình thức áp bức khác, mọi người đều chịu tác động của đám mây mù phân biệt giới tính, và thái độ phân biệt giới tính có thể khiến hành vi bạo lực trở nên nghiêm trọng hơn với những đối tượng đã có tính cách chịu ảnh hưởng của hành vi lạm dụng.

Nghiên cứu và công tác chăm sóc sức khỏe đối với tội phạm bạo lực gia đình cho thấy ngoài tác động của thái độ phân biệt giới, phần lớn tội phạm đều có hiện tượng trầm cảm, lo lắng, sang chấn tiềm ẩn, và các hiện tượng rối loạn khác (Dutton, 1998; Hamburger & Hastings, 1991; Sonkin & Liebert, 2001). Lạm dụng thể chất cũng làm một vấn đề thường thấy ở các tội phạm bạo lực gia đình (Dutton). Ít nhất, cảm giác sợ hãi là cảm giác luôn tiềm ẩn trong con người.

Hành vi lạm dụng khá đa dạng, và dải hành vi này được thể hiện tại ba điểm trong dải bạo lực (*lạm dụng, bạo hành, và khủng bố*). Sự đa dạng cũng được thể hiện qua khoảng cách giữa các phân loại này. Thực tế không có sự phân chia đơn giản tuyến tính mà là những mô tả giúp xác định bối cảnh nhằm phục vụ công tác đánh giá và can thiệp. Dải bạo lực này không nên tồn tại độc lập và nên được sử dụng kết hợp với các công cụ đánh giá khác. Cùng với các công cụ khác, nó có thể được sử dụng hiệu quả mà không cần yếu tố quan trọng nhất là: phán xét chính xác.

*Lạm dụng* là kiểu gây hấn thường không xuất phát từ ý định kiểm soát và dọa dẫm nhưng lại thường dẫn tới tác động này. Bạo lực thể chất thường bao gồm hành vi túm, xô đẩy, tát, đánh và khống chế. Hình thức thương tích có thể là vết ửng đỏ, thâm tím, vết cào xước và vết cắt. Những hành vi và thương tích này có thể được coi ở “mức độ thấp”, nhưng để lại hậu quả nghiêm trọng về tình cảm. Nạn nhân có thể cảm thấy e ngại và sợ hãi.

Lạm dụng dùng lời nói có thể là hét, la ó, lăng mạ chung chung (“đồ chó”, “đồ khốn kiếp” và các từ ngữ khó chịu khác) và châm chọc mỉa mai. Hình thức này không tính đến hành vi hủy hoại thanh danh (“mày là đồ bố/mẹ thói tha,” “đồ ngu”, “đồ béo”, “đồ xấu xí”, “không ai muốn ở với mày cả”, v.v.). Lạm dụng vũ lực và lời nói thường xảy ra ở những kiểu gia đình

hạt nhân và thường không có người làm chứng.

Lạm dụng tình cảm ở cấp độ này chỉ ở mức hạn chế nếu so với cấp độ bạo hành hay khủng bố. Những cá nhân có hành vi lạm dụng thường không cô lập vợ/chồng khỏi gia đình và bạn bè. Những cặp vợ chồng này thường vẫn có bạn bè và có thể “trông rất ổn” trong xã hội. Tội phạm thuộc nhóm này có thể khá ghen tuông, rút lại phía sau và dè bủ nhưng thường không tới mức kiểm soát vợ/chồng mình. Nhiều người không hề ghen tuông. Vai trò giới cứng nhắc thường không được nhận thấy ở kiểu quan hệ này. Các cặp vợ chồng này có thể chia sẻ trách nhiệm làm cha mẹ và công việc gia đình.

Mối đe dọa thường xoay quanh việc bỏ nhau, thường là dọa bỏ đi, dọa lừa gạt, dọa rút hết tiền bạc, hay dọa ly hôn. Sự đe dọa này thường không gây tác hại tới người kia hay người nào khác. Lời đe dọa chỉ mang tính chung chung, không cụ thể. Hành vi đe dọa có thể bao gồm hành vi bất thường như lái xe một cách hoang dại. Nhiều cá nhân tham gia chương trình can thiệp bạo hành đã có nhiều thời kỳ dài chịu đựng các hành vi như vậy, đặc biệt là bạo lực thể chất.

Phá hoại tài sản cũng được coi là một dạng lạm dụng. Hành vi ném đồ vật, đâm vào tường, đá thủng dụng nĩa, và giẫm đạp lên đồ đạc là những hành vi được liệt kê trong các chương trình dành cho đối tượng bạo hành. Một cá nhân đã tham gia BIP sau khi vợ và con anh ta bỏ đi. Anh này bị sốc và phát điên lên. Anh ta nói “Nhưng tôi chưa bao giờ đánh ai cả.” Anh ta thường làm thủng hết đồ đạc, ném đồ đạc và la hét. Cả gia đình sống trong cảnh thấp thỏm. Anh ta mãi mới hiểu được rằng vợ và con mình đã sống trong cảnh sợ hãi trước những cơn nổi giận của anh ta. Họ cũng sợ rằng họ sẽ trở thành mục tiêu tiếp theo nếu anh ta nổi cơn thịnh nộ.

Lạm dụng tình dục thường xảy ra với nam giới khi nhóm này có cảm giác sợ hãi. Hầu hết các cá nhân có hành vi lạm dụng đều cảm thấy sợ hãi. Sau một sự vụ, họ có thể sợ vợ/chồng mình bỏ đi. Họ có thể tiến tới quan hệ tình dục để gần gũi vợ/chồng mình hơn và để loại bỏ nỗi sợ hãi của chính mình. Họ không hề quan tâm tới cảm nhận của vợ/chồng mình. Họ có thể không có ý si nhục hay suy đồi gì nhưng hành động quan hệ tình dục kia có thể dẫn tới hậu quả đó. Một tâm lý thường thấy là “phải làm thế thôi nếu không sẽ ảnh hưởng tới mình.”

Sau sự vụ lạm dụng tình dục, họ thường cảm thấy có lỗi và hối hận. Cảm giác có lỗi khiến họ không thể tạo dựng được ranh giới phù hợp. Khi gây ra sự vụ, cảm giác có lỗi thường trực có thể làm bùng lên cơn giận dữ âm ỉ và cảm giác mất hết quyền lực.

Hành vi của người lạm dụng có thể dẫn tới cảm giác sợ hãi ở những người bị lạm dụng. Khi được phỏng vấn, vợ/chồng của các thành viên nhóm

BIP thường trả lời họ nói họ không sợ hãi gì nhưng khi được hỏi họ cảm thấy thế nào khi chồng/vợ mình lên cơn giận dữ, họ nói họ cảm thấy sợ. Họ thường nhắc tới cảm giác lo lắng hay bất an. Cảm giác sợ hãi thường trực nảy sinh khi họ e sợ về hậu quả xấu có thể xảy ra sau này. Điều đó cũng ảnh hưởng tiêu cực tới tình cảm gia đình. Người vợ/chồng bị lạm dụng có thể không thực sự sống yên lành nếu họ lúc nào cũng lo lắng.

*Bạo hành* thường là những cơn giận dữ kèm bạo lực thể chất diễn ra thường xuyên. Loại hành vi này có thể đem lại hậu quả nghiêm trọng hơn cho nạn nhân, cả về mặt thể chất và tinh thần, nếu so với hành vi lạm dụng. Hành vi hành hung có thể là đánh, đấm, đá, bóp cổ v.v. nhiều lần. Những đối tượng lạm dụng vũ lực với vợ/chồng mình cũng có thể hay dùng vũ lực ở những nơi khác. Trong nhóm này, kẻ bạo hành thường có ý định làm đau hay gây hại vợ/chồng mình. Những vụ bạo hành sử dụng vũ lực như vậy có thể khiến nạn nhân cảm thấy ngày càng sợ hãi.

Lạm dụng sử dụng lời nói thường mang tính cá nhân hơn. Việc lăng mạ, coi thường và sỉ nhục có thể chủ định hướng vào đặc điểm thể chất, tâm lý hay trí tuệ; công việc; bạn bè và gia đình của người vợ/chồng. Hành vi này có thể diễn ra trước mặt người khác và ở nơi công cộng. Tác động phụ của cơn giận hay hành động mỉa mai diễn ra nơi công cộng thường là nạn nhân quan trọng hóa hậu quả hơn nhiều nếu so với những gì họ trải qua nếu như cơn giận dữ chỉ diễn ra một cách riêng tư.

Lạm dụng tâm lý có thể là cô lập hay nỗ lực cô lập người vợ/chồng của mình. Đó có thể là hành vi đe dọa tự tử, giết người hay các hình thức gây hại khác. Một người tham gia một chương trình can thiệp bạo hành kể anh ta tự đập đầu vào tường khi cãi nhau với vợ mình để cô vợ có thể dừng lại. Một người đàn ông khác tham gia chương trình này đã từng kéo vợ mình ra ngoài nhà và đổ xăng lên người mình rồi hét vào mặt vợ “chính cô đã khiến tôi phải làm vậy đấy” trong khi trong tay anh ta đang cầm bật lửa. Sự đe dọa cũng có thể gắn với hành vi vẫn đang xảy ra (ví dụ, đe dọa lấy tiền mặc dù thực tế người này đang quản lý tiền, họ cũng có thể sử dụng hung khí hay các hình thức ghen tuông). Hành vi lạm dụng tình cảm có thể rất đa dạng.

Vai trò giới quá rõ ràng hay cứng nhắc thường tồn tại ở quan hệ tình dục khác giới. Ở mỗi quan hệ này thường xuất hiện những quan niệm gắn liền với giới. Vợ/chồng thường kỳ vọng nhiều hơn về bạn đời của mình với những thói quen ăn ở và hành vi gắn liền với giới (thái độ phục tùng, nấu ăn, dọn dẹp, chăm sóc con cái). Ở quan hệ GLBT thường không tồn tại hành vi gắn liền với vai trò đặc trưng về giới cứng nhắc, nhưng chắc chắn cũng có sự liên hệ giới.

Hành vi phá hủy tài sản có thể trở nên nghiêm trọng hơn và nhắm vào các đồ vật có ý nghĩa với người bị lạm dụng. Một thành viên tham gia vào chương trình của tác giả, Hành vi thay cho Bạo lực (ATV), đã nổi cơn thịnh

nộ với vợ mình và đã đập phá bộ sưu tập pha lê trị giá 25.000 USD của vợ. Một người vợ bạo hành tham gia vào chương trình đã xét nét bộ ảnh duy nhất chụp bà mẹ chồng đáng kính của chồng.

Những kẻ bạo hành tình dục thường ép buộc nạn nhân ở mức nghiêm trọng hơn so với cấp độ lạm dụng trong dải bảo lực. Bạo hành tình dục có thể là những vụ tấn công, nó có thể xảy ra trong quá trình hiệp hay sau đó. Hành vi quan hệ tình dục trong quan hệ bạo hành có thể có thể rất dữ dội (khi không mang tính lạm dụng). Mức độ dữ dội đôi khi được cả người hành hung và nạn nhân mô tả là nổi đăm mê. Sự sợ hãi có thể được che giấu dưới hình thức đăm mê.

Hành vi bạo hành có thể khiến nạn nhân hình thành một kiểu phản ứng nào đó. Rất khó có thể biết chắc chắn liệu một người có dự đoán về hành vi của vợ/chồng vốn hay dọa giẫm của mình hay không. Bạo hành thường mang tính dọa giẫm và kiểm soát hơn so với hành vi lạm dụng. Thường tồn tại một kiểu gây hấn có biểu hiện khá chung chung. Bạo hành cũng có thể ít mang tính vũ lực và thường mang tính tâm lý hơn, tuy nhiên nó lại ít mang tính ngấm ngấm hơn so với khủng bố. Một trong những hậu quả của hành vi nằm giữa bạo hành và khủng bố là tính cách của nạn nhân bị thay đổi.

*Khủng bố* là hành vi diễn ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn. Những hành vi này có thể mang tính vũ lực hoặc tâm lý nhưng thường bao gồm cả hai. Có những đối tượng là kẻ khủng bố và không tấn công vợ/chồng mình bằng vũ lực hay thông qua con đường tình dục; họ không cần phải làm như vậy. Hành vi của họ đã đủ mang tính đe dọa để kiểm soát vợ/chồng của chúng.

Bạo lực thể chất có thể là nhiều vụ tấn công trong cùng một sự vụ, tấn công có hung khí và hành vi đe dọa mạng sống. Thông thường, hành vi này thường để lại thương tích nghiêm trọng tại một thời điểm nhất định trong quan hệ vợ chồng (gãy xương, bầm, đau đớn đến nghẹt thở). Đó là những kẻ mà chúng ta thường đọc trong truyện hay xem trên tivi hay trong những bộ phim như “Chiếc giường bốc cháy” hay “Ngủ với kẻ thù”. Chúng thường có hình ảnh gần gũi với khuôn mẫu một chiều đăng tải trên phương tiện truyền thông hơn so với hai nhóm còn lại (và những loại nằm giữa). Tuy nhiên, hầu hết những kẻ hành hung ban đầu đều thể hiện (hoặc có) nhiều cạnh hơn hoặc họ không có bạn tình gần gũi.

Khủng bố tâm lý là hành vi kiểm soát trí óc (độc đoán). Hay nói cách khác, nạn nhân của kỹ thuật này sẽ đánh mất quan điểm nhìn nhận của chính mình và bắt đầu nhìn thế giới bằng chính cái nhìn của kẻ khủng bố bản thân mình. Hành vi kiểm soát trí óc xảy ra khi nạn nhân bị cô lập hoàn toàn và rất sợ hãi. Những trường hợp bạo lực gia đình tồi tệ nhất thường tỷ lệ thuận với tình trạng bị cô lập hoàn toàn. Những hành vi kiểm soát như vô hiệu hóa

phương tiện đi lại, phá hủy những đồ vật có ý nghĩa quan trọng về tình cảm (đối với nạn nhân), vô hiệu hóa điện thoại hay máy tính, cài đặt phần mềm nghe lén và thiết bị GPS trong điện thoại hay ô tô của nạn nhân (hành vi theo dõi công nghệ cao), hành hạ hay dày vò vật nuôi, và không cho nạn nhân ngủ có thể coi là khủng bố. Danh sách các hành động nguy hiểm còn có thể dài hơn nữa.

Bạo lực bằng lời nói cũng rất nghiêm trọng. Đó có thể là những vụ tấn công cá nhân nhằm gây tác động tới hình ảnh, trí tuệ, ngoại hình, kết quả công việc, kỹ năng xã hội và cách nuôi dạy con cái của nạn nhân hay gia đình và bạn bè của nạn nhân. Những vụ tấn công bằng lời nói có thể diễn ra riêng tư hoặc công khai (hoặc cả hai) một cách liên tục. Một trong những người tham gia ATV đã gắn những tấm biển tại cơ quan của bạn gái anh ta với nội dung như cô này là con điếm và bị mắc bệnh hoa liễu. Anh ta cũng khuyên đồng nghiệp của cô gái không nên lại gần cô vì cô bị mắc bệnh truyền nhiễm. Tất cả những điều đó đều là bịa đặt.

Kẻ gây bạo lực cũng có thể đe dọa tự tử hay giết người bằng cách mô tả sẽ thực hiện những hành động đó như thế nào. Kẻ gây bạo lực có thể vừa đe dọa vừa khua hung khí. Chúng cũng có thể đe dọa giết con cái hoặc mang con đi xa mãi mãi. Hành vi đe dọa cũng bao gồm những hành động si nhục hay suy đồi. Kẻ gây bạo lực có thể đe dọa thực hiện bạo lực đối với người khác khi có sự có mặt của nạn nhân. Do đó, sang chấn gián tiếp có thể được coi là hậu quả ẩn sau ám khí của hành vi khủng bố ngầm.

Phá hoại tài sản cũng có thể rất nghiêm trọng. Một nạn nhân còn sống sót kể lại rằng chồng chị đã đập vỡ mọi đồ vật làm bằng thủy tinh trong nhà, nhổ hết mọi cây cối trồng trong bình (chị là một người thích làm vườn), làm thủng mọi hàng hóa đóng lọ, lôi hết đồ ăn đông lạnh ra khỏi tủ lạnh, và đem búa để ngay bên cạnh đàn piano. Anh ta kết thúc chuỗi hành động khủng bố của mình bằng cách bắt chị làm con tin suốt cả đêm. Một đối tượng tham gia vào ATV đã đốt xe ô tô của bạn gái anh ta.

Bạo lực tình dục cũng có thể là hành động tấn công về thể chất và tâm lý. Động cơ thường thấy nhất là do kẻ bạo lực có ý định thực hiện hành vi làm nhục và suy đồi với vợ/bạn gái của mình. Nạn nhân của hành vi bạo lực này thường cảm thấy xấu hổ giống như người dính vào vụ loạn luân. Họ thường cảm thấy đáng bị khiển trách. Một nạn nhân còn sống sau vụ khủng bố tình dục đã nói với công tố viên “Tôi sợ rằng nếu tôi nói với anh những gì hấn làm với tôi, anh sẽ không còn cảm thấy cảm tình với tôi nữa.”

“Rình rập thông thường” (thuật ngữ của tác giả) thường xảy ra trong khoảng từ cấp độ lạm dụng tới bạo hành. Rình rập xảy ra trong bạo lực gia đình một phần là do không có bên nào tin tưởng bên nào. Bên bị lạm dụng không tin rằng kẻ phạm tội sẽ không có hành vi phạm tội nữa còn kẻ lạm dụng lại không tin rằng nạn nhân sẽ bỏ đi. Kẻ lạm dụng thường quen đở

dành, xin lỗi, điều chỉnh hành vi và đe dọa v.v. để mong vợ/bạn gái mình tha thứ và ở lại. Kẻ phạm tội có lý do để tin rằng nếu làm vậy sẽ có hiệu quả vì trước đó hẳn đã thành công khi làm như vậy. Kẻ phạm tội tiếp tục cố gắng thuyết phục nạn nhân bị lạm dụng của mình quay về thậm chí nếu quay về sẽ là vi phạm lệnh bảo hộ dành cho nạn nhân.

Đối với “rình rập thông thường”, kẻ phạm tội sẽ giảm tần suất gọi điện, viếng thăm bất thường, gửi lời nhắn và các hình thức liên lạc khác khi nhận thấy vợ/chồng/bạn tình mình rất dứt khoát và không quay lại. Khi kẻ khủng bố thấy rằng vợ/chồng/bạn tình mình thực sự muốn nghiêm túc và không muốn liên lạc gì, hành vi rình rập có thể leo thang.

Một trong những hậu quả của khủng bố, và trong một số trường hợp bạo hành, là sự thay đổi tính cách của nạn nhân. Một người có tính cách cởi mở, vui vẻ, làm việc hiệu quả có thể trở nên khép kín, trầm cảm và không làm nổi việc gì. Nguyên nhân chính khiến họ thay đổi tính cách là do bị cô lập và bị đe dọa gây ảnh hưởng về tâm lý và thể chất.

Cả kẻ bạo hành và khủng bố đều có thể dễ lạm dụng con cái hơn so với kẻ lạm dụng. Họ có thể xử sự theo cách ít được chấp nhận hơn về tình cảm, lạm dụng thể chất hơn và điều chỉnh về tâm lý hơn. Những người nằm ở vị trí nào đó trên dải bạo lực (trong khoảng từ lạm dụng tới khủng bố) có thể không hiểu rõ hành vi của mình và tác động đối với con cái. Những thông tin này cần được xem xét khi đánh giá và giải quyết một cách hiệu quả những trường hợp bạo lực gia đình.

Có những yếu tố ảnh hưởng và làm nghiêm trọng hơn một số hành vi thuộc từng cấp độ trên dải bạo lực. Một trong số những yếu tố này là nguồn gốc gia đình. Không nên bỏ qua tác động của ý thức, niềm tin và kinh nghiệm sang chấn xảy ra trong gia đình khi tiến hành đánh giá. Từng cá nhân hình thành ngôn ngữ tình cảm và kỹ năng quan hệ của mình trong gia đình hay với những người thân cùng sống trong gia đình trong những năm tháng phát triển của mình. Người tham gia vào BIP thường cho biết họ đã chứng kiến sự lạm dụng ở một mức độ nhất định trong gia đình họ. Nhiều người còn cho biết họ còn chứng kiến bạo lực qua nhiều thế hệ. Nhiều người tham gia không nhận ra đó là bạo lực; họ gọi đó là trật tự gia đình.

Lạm dụng thể chất thường là một yếu tố tồn tại trong những gia đình có bạo lực gia đình. Nó không phải là nguyên nhân hàng đầu nhưng thường là yếu tố làm nghiêm trọng thêm. Nó không trực tiếp dẫn tới hành vi bạo lực nhưng lại là yếu tố làm mất phần xạ có điều kiện. Vấn đề sức khỏe tâm thần cũng thường được nhận thấy ở nhiều cá nhân tham gia BIP. Để có thể hòa nhập vào một tập thể, các cá nhân phải có điều kiện tâm thần bình thường, nhưng hầu hết các cá nhân đều trải qua sang chấn tâm lý khi còn nhỏ. Một số người có mẹ từng sống trong các cơ sở cứu trợ bạo lực gia đình của quốc

gia. Ngoài những yếu tố có tác động tiêu cực tới hành vi lạm dụng, cũng cần phải quan tâm tới những yếu tố trung gian ảnh hưởng tới tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi bạo lực. Ví dụ, một thành viên tham gia ATV đã trải qua thời kỳ niên thiếu và khi đã lớn trong nhà tù. Lần cuối cùng bị giam giữ là do anh này bị kết tội ngộ sát. Anh ta có tiền sử nghiện rượu và nghiện ma túy, có quan hệ bạo lực gia đình và nguồn gốc gia đình cũng có vấn đề bạo lực nghiêm trọng. Anh ta đã lạm dụng bạn gái hiện thời của mình. Với những thông tin như vậy, có thể coi anh này là kẻ bạo hành nghiêm trọng và có thể là kẻ khủng bố, đây quả là một bức tranh không đẹp chút nào. Thông tin thường bị bỏ qua khi đánh giá là thông tin có thể thu thập được và quyết định mức độ nguy hiểm của bạo lực. Nguồn lực của cá nhân, sự hỗ trợ của cộng đồng, quan hệ gắn kết với mọi người và với công việc và tiềm năng của cá nhân đều có ảnh hưởng tới kết cục của một câu chuyện đối với bất kỳ ai.

Người đàn ông này mất bốn năm mới trở lại bình thường. Hàng tuần, anh ta phải gặp người bảo trợ vài lần và tham dự tối thiểu hai buổi họp AA. Anh ta tình nguyện đăng ký tham gia BIP và chọn một chương trình (do một người bạn cũng đã từng tham gia giới thiệu) với hi vọng có thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Anh ta đàm phán mức phí đóng trong khả năng anh có thể chi trả. Một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng là công việc của anh này: Anh ta gần đây đã tìm được công việc vốn từng mơ ước. Những yếu tố đó đều có ý nghĩa quan trọng giúp cải thiện hành vi bạo lực của anh ta.

Một điều quan trọng cần lưu ý là chủ yếu nam giới thường là tội phạm ở mức cuối cùng bạo hành – khủng bố trong dải bạo lực. Theo Geffner và Rosenbaum (2001, trang 2): “Phụ nữ có thể đánh chồng/bạn tình của mình, nhưng không bạo hành vì bạo hành hay lạm dụng thường gắn liền với ép buộc, dọa nạt và kiểm soát, mà những hành vi này thường ít thấy ở phụ nữ hơn.” Hành vi cô lập không xảy ra trong quan hệ bạo hành. Điều đó không có nghĩa là không có phụ nữ bạo hành trong quan hệ đồng tính nữ và tình dục khác giới, nhưng con số đó thường không nhiều (Cục Số liệu tư pháp, 1998; Rennison & Welchans, 2000; Tjaden & Thoennes, 2000).

Dải bạo lực này đã được sử dụng kết hợp với các công cụ đánh giá khác để có thể mô tả rõ hành vi lạm dụng và đưa ra biện pháp can thiệp. Đánh giá càng chính xác thì hành vi can thiệp càng hiệu quả. Khuôn mẫu một chiều, kiểu kẻ bạo hành “Attila Rợ Hung” đại diện cho một tỷ lệ rất nhỏ những người tham gia vào các chương trình can thiệp bạo hành. Hầu hết những kẻ khủng bố đã từng đi tù hoặc không muốn thay đổi.

Sử dụng mô tả (kẻ khủng bố) này để mô tả những kẻ lạm dụng lại mang tính phản tác dụng trong các vụ án hình sự và bảo trợ trẻ em vì nhiều bị cáo và đương sự không phù hợp khi xếp vào loại này. Tôi cho rằng đã đến lúc cần phải tinh chỉnh lại công việc của chúng ta để có thể đảm bảo các

biện pháp can thiệp của chúng ta đem lại hiệu quả cho những người chịu tác động nhiều nhất: đó là nạn nhân và kẻ lạm dụng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, K.L. (2002). Perpetrator or victim? Relationships between intimate partner violence and well-being. *Journal of Marriage and Family*, 64, 851–863.
- Archer, J. (2000). Sex differences in aggression between heterosexual partners: A meta-analytic review. *Psychological Bulletin*, 126, 651–680.
- Brisson, N. (1981). Battering husbands: A survey of abusive men. *Victimology*, 6, 338–334.
- Bureau of Justice Statistics. (1998). *Violence by Intimates* (NCJ-161237). Washington, D.C.: U.S. Department of Justice.
- Campbell, J.C. (2000). Promises and perils of surveillance in addressing violence against women. *Violence Against Women*, 6, 705–727.
- Dasgupta, S.D. (1999). Just like men? A critical view of violence by women. In M.J. Shepard & E.L. Pence (Eds.), *Coordinating community response to domestic violence: Lessons from Duluth and Beyond* (pp. 195–222). Thousand Oaks, CA: Sage.
- DeKeseredy, W.S. (2000). Current controversies on defining non-lethal violence against women in intimate heterosexual relationships: Empirical implications. *Violence Against Women*, 6, 728–746.
- Dowd, L. (2001). Female perpetrator of partner aggression: Relevant issues and treatment. In R.A. Geffner & A. Rosenbaum (Eds.), *Domestic violence offenders: Current interventions, research and implications for policies and standards* (pp. 73–104). New York: Haworth Press.
- Dutton, D.G. (1998). *The abusive personality: Violence and control in intimate relationships*. New York: Guilford Press.
- Geffner, R.A. & Rosenbaum, A. (2001). Domestic violence offenders: Treatment and intervention standards. In R.A. Geffner & A. Rosenbaum (Eds.), *Domestic violence offenders: Current interventions, research and implications for policies and standards* (pp. 1–10). New York: Haworth Press.
- Gondolf, E.W. (1987). Who are those guys? Toward a behavioral typology of batterers. *Violence & Victims*, 3, 189–204.
- Hamburger, L.K., & Hastings, G.E. (1986). Personality correlates of men who abuse their partners: A cross-validation study. *Journal of Family Violence*, 1, 323–341.
- Hamburger, K. & Hastings, J. (1991). Personality correlations of men who batter and nonviolent men: Some continuities and discontinuities. *Journal of Family Violence*, 6(2), 131–147.
- Hershorn, M., & Rosenbaum, A. (1991). Overviews. Uncontrolled hostility: Application of the construct to the classification of martially violent men. *Violence & Victims*, 6, 151–158.
- Holtzworth-Monroe, A., & Stuart, G.L. (1994). Typologies of male batterers: Three subtypes and the difference among them. *Psychological Bulletin*, 116, 476–497.
- Johnson, M.P. (1995). Patriarchal terrorism and common couple violence: Two forms of violence against women. *Journal of Marriage & the Family*, 57, 283–294.
- Johnson, M.P., & Ferraro, K.G. (2000). Research on domestic violence in the 1990's: Making distinctions. *Journal of Marriage & the Family*, 62, 948–963.
- LaViolette, A. & Barnett, O. (2000). *It could happen to anyone: Why battered women stay*. Thousand Oaks, CA: Sage.
- Magdol, L., Moffitt, J.E., Caspi, A., Newman, D.L., Fagan, J., & Silva, P.A. (1997). Gender differences in partner violence in a birth cohort of 21-year-olds: Bridging the gap between clinical and epidemiological approaches. *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, 65(1), 68–78.

- Rennison, C.M. & Welchans, S. (2000). Intimate Partner Violence—Special Report. Washington, D.C.: U.S. Department of Justice. Bureau of Justice Statistics.
- Saunders, D.G. (1992). A typology of men who batter: Three types derived from cluster analysis. *American Journal of Orthopsychiatry*, 62(2), 264–275.
- Saltzman, L.E. (2000). Guest editor's introduction to the special issue: Building data systems for monitoring and responding to violence against women, part II. *Violence Against Women*, 6, 811–814.
- Sonkin, D. & Liebert, D. (2001). The assessment of court-mandated perpetrators of domestic violence. *Journal of Aggression, Maltreatment and Trauma*, 6, 3–36.
- Straus, M.A. (1997). Physical assaults by women partners: A major social problem. In M.R. Walsch (Ed.), *Women, men, & gender: Ongoing debates* (pp. 210–221). New Haven, CT: Yale University Press.
- Straus, M.A., & Gelles, R.G. (1990). *Physical violence in American families: Risk factors and adaptation to violence in 8,145 families*. New Brunswick, NJ: Transaction Books.
- Tjaden, P., & Thoennes, N. (2000). *Extent, nature, & consequences of intimate partner violence: Findings from the National Violence Against Women Survey* (NCJ-181876). Washington, D.C.: U.S. Department of Justice.
- Umberson, D., Anderson, K., Glick, J., & Shapiro, A. (1998). Domestic violence, personal control and gender. *Journal of Marriage and the Family*, 60, 442–452.

Copyright of *Journal of Child Custody* is the property of Haworth Press and its content may not be copied or emailed to multiple sites or posted to a listserv without the copyright holder's express written permission. However, users may print, download, or email articles for individual use.